



GIÁO TRÌNH

Nâng cao
Dành cho phiên bản
Photoshop 2023

PHOTOSHOP



QUÉT QR ĐỂ MỞ
GIÁO TRÌNH ONLINE



LỜI MỞ ĐẦU

Chào mừng bạn đến với khóa học Photoshop Nâng Cao! Khóa học này được thiết kế dành cho những người đã biết qua các kiến thức cơ bản, nhằm giúp bạn nâng cao kỹ năng với các công cụ và kỹ thuật khác của Photoshop. Qua khóa học này, bạn sẽ được học các kỹ thuật phức tạp hơn, sử dụng hiệu quả hơn các công cụ và tính năng của Photoshop để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật đồ họa, chỉnh sửa hình ảnh chuyên nghiệp.

Photoshop là một phần mềm chỉnh sửa hình ảnh mạnh mẽ và được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như nhiếp ảnh, thiết kế đồ họa, truyền thông và quảng cáo. Với sự sáng tạo và những kiến thức nâng cao được trang bị từ khóa học này, bạn sẽ có khả năng biến những ý tưởng phức tạp thành hiện thực và tạo ra những tác phẩm đáng kinh ngạc.

Giáo trình này được biên soạn và minh họa dựa trên phiên bản Adobe Photoshop 2023. Các phiên bản khác có thể có giao diện hơi khác biệt.

• KHỞI ĐỘNG KHÓA HỌC •

Hướng dẫn mở và tắt máy để giữ gìn tài sản chung

Để đảm bảo rằng tất cả chúng ta đều có môi trường học tập tốt và máy tính hoạt động ổn định, vui lòng tuân thủ các hướng dẫn sau đây khi sử dụng máy tính trong lớp học:

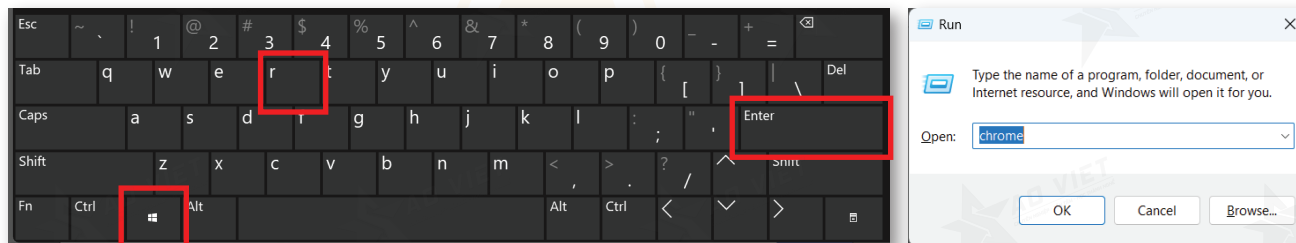
- **Mở máy tính**
 - Kiểm tra kết nối điện: Đảm bảo máy tính và màn hình đều được kết nối với nguồn điện.
 - Bật máy tính: Nhấn nút nguồn trên thùng máy (CPU) (vị trí nút nguồn thường nằm ở mặt trước hoặc mặt trên của CPU).
 - Lưu ý:
 - Tay ấn nhẹ nút nguồn rồi thả ra.
 - Nhìn tín hiệu đèn tại nút nguồn hoặc xung quanh nút nguồn.
 - Chờ 5-10 giây và nhìn lên màn hình xem có tín hiệu chưa.
- **Tắt máy tính**
 - Lưu công việc: Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu và dự án đang làm việc đều được lưu lại để tránh mất dữ liệu.
 - Đóng các ứng dụng: Tắt tất cả các ứng dụng đang mở, bao gồm Adobe Illustrator và các chương trình khác.
 - Nhấn vào nút "Start" (Biểu tượng Windows) ở góc dưới bên trái màn hình.
 - Chọn biểu tượng nguồn > Chọn "Shut down" hoặc "Turn off computer" từ menu. Máy tính sẽ bắt đầu quá trình tắt máy.
- **Giữ gìn tài sản chung**
 - Không ăn uống gần máy tính để tránh đổ nước hoặc thức ăn vào bàn phím và các thiết bị khác máy tính khác
 - Sử dụng nhẹ nhàng: Hạn chế việc nhấn phím quá mạnh hoặc kéo mạnh các dây cáp.
 - Báo cáo sự cố: Nếu gặp bất kỳ vấn đề gì với máy tính, vui lòng báo cáo ngay với giảng viên hoặc nhân viên kỹ thuật để được hỗ trợ kịp thời.

Bằng cách tuân thủ các hướng dẫn này, chúng ta sẽ giúp kéo dài tuổi thọ của các thiết bị và đảm bảo mọi người đều có trải nghiệm học tập tốt nhất. Chúc các bạn học tập vui vẻ và đạt được nhiều thành công trong khóa học!

Hướng dẫn mở giáo trình, tài liệu trực tuyến khóa học

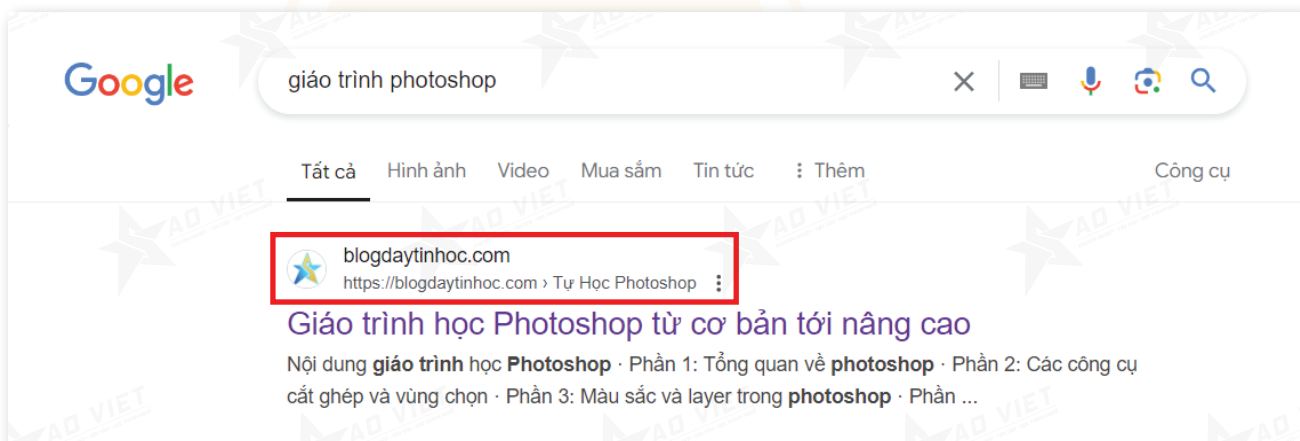
Bước 1: Mở trình duyệt Chrome trên máy tính

- Nhấn tổ hợp phím **Windows + R** > Gõ **"Chrome"** > **Enter** (hoặc bấm OK)



Bước 2: Truy cập vào google.com và gõ vào ô tìm kiếm: "giáo trình photoshop"

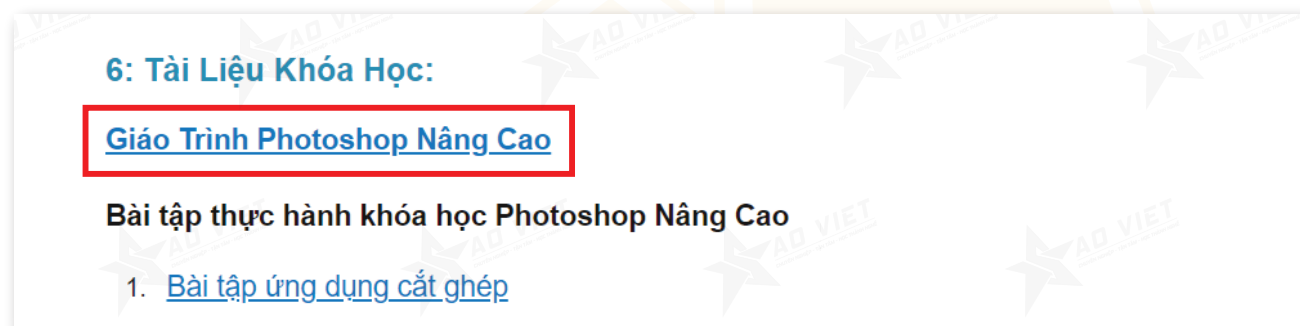
Chọn vào link giáo trình với tên miền **blogdaytinhoc.com**



Bước 3: Lăn cuộn chuột xuống tìm và chọn vào link "Photoshop Nâng Cao"



Bước 4: Tiếp tục lăn cuộn chuột xuống gần cuối trang, tìm đến mục Tài liệu Khóa học và chọn vào link "Giáo trình Photoshop Nâng Cao"



MỤC LỤC

A. CÁC CÔNG CỤ VÀ TÍNH NĂNG NÂNG CAO TRONG PHOTOSHOP

I. Chương 1: Layer Mask và Adjustment Layers	05
1. Layer Mask là gì và cách sử dụng.	05
2. Adjustment Layers là gì và ứng dụng	06
II. Chương 2: Cài đặt Brush, tạo Preset Brush & Pattern	08
1. Tải, cài đặt và sử dụng Brush (Khói, lửa, sương mù, ánh đèn,...)	08
2. Define Brush Preset	08
3. Define Pattern	10
III. Chương 3: Bộ công cụ retouch ảnh	12
1. Các công cụ chỉnh sửa da và mịn da	12
2. Các công cụ chỉnh sửa ảnh	13
IV. Chương 4: Blend Layers (Edit Menu tab)	15
1. Mở rộng hình ảnh với Fill	15
2. Auto-Blend Layers	16
V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Filter)	
1. Liquify	18
2. Vanishing Point	20
3. Các hiệu ứng khác	21
VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup	23
1. Mockup là gì?	23
2. Cách tạo và sử dụng Mockup có sẵn	24
VII. Bài tập cuối khóa (chọn 1 trong các chủ đề).....	28
1. Chỉnh sửa ảnh thẻ	28
2. Thiết kế banner quảng cáo nâng cao	28
3. Thiết kế Poster nâng cao	28
4. Thiết kế Brochure / Catalogue	28

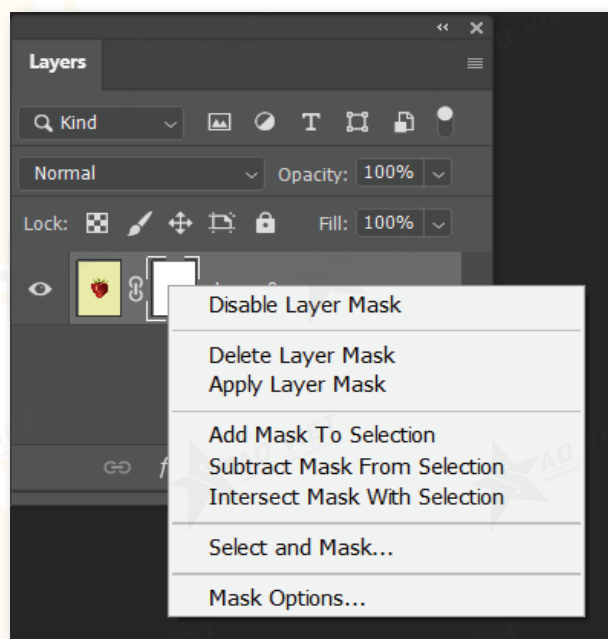
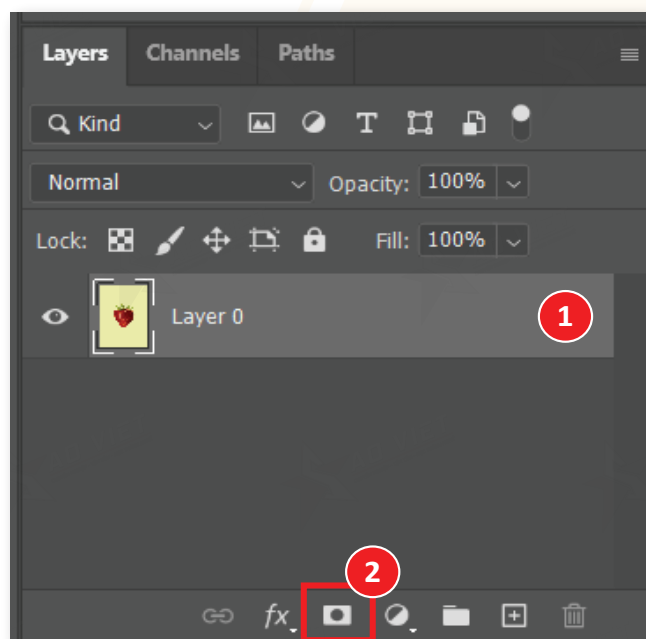
A. CÁC CÔNG CỤ VÀ TÍNH NĂNG NÂNG CAO TRONG PHOTOSHOP

I. Chương 1: Layer Mask và Adjustment Layers

1. Layer Mask là gì?

Layer Mask cho phép bạn ẩn hoặc hiển thị các phần của một layer mà không xóa đi nội dung thực tế của layer đó. Điều này rất hữu ích cho việc chỉnh sửa không phá hủy (non-destructive editing) và cung cấp sự linh hoạt tối đa trong thiết kế.

- **Màu trắng trên Layer Mask:** Hiển thị hoàn toàn nội dung của layer.
- **Màu đen trên Layer Mask:** Ẩn hoàn toàn nội dung của layer.
- **Màu xám trên Layer Mask:** Hiển thị một phần nội dung của layer, tùy thuộc vào độ sáng của màu xám.



Cách sử dụng Layer Mask

- Chọn layer mà bạn muốn thêm Layer Mask.
- Nhấp vào biểu tượng "Add Layer Mask" ở cuối bảng điều khiển Layers.

Chỉnh sửa Layer Mask

- **Brush Tool:** Sử dụng Brush Tool (phím tắt B) để vẽ trên Layer Mask. Chọn màu trắng để hiển thị và màu đen để ẩn phần của layer.
- **Chọn kích thước và độ mềm mại của Brush:** Thay đổi kích thước brush và độ mềm mại của cạnh để có được hiệu ứng mong muốn.
- **Gradient Tool:** Sử dụng Gradient Tool (phím tắt G) để tạo ra các vùng chuyển tiếp mềm mại giữa hiển thị và ẩn.

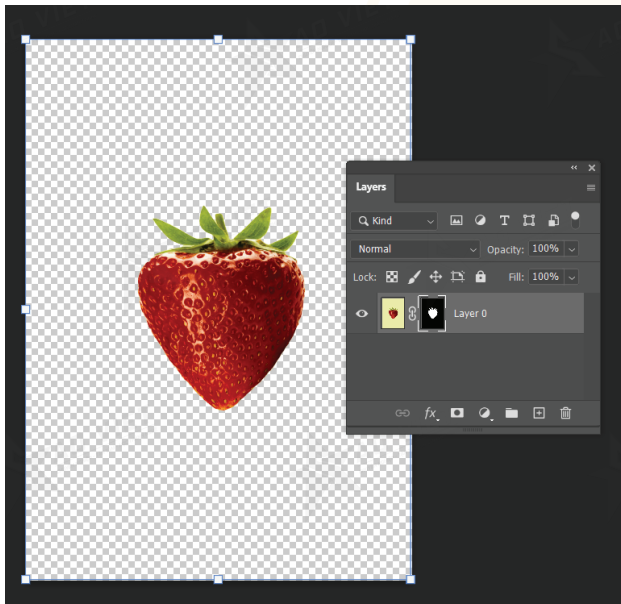
Quản lý Layer Mask

- **Disable/Enable Layer Mask:** Giữ Shift và nhấp vào Layer Mask để tạm thời vô hiệu hóa hoặc kích hoạt lại Layer Mask.
- **Invert Layer Mask:** Nhấn Ctrl+I (Cmd+I trên Mac) để đảo ngược Layer Mask (biến màu trắng thành đen và ngược lại).
- **Apply Layer Mask:** Để áp dụng Layer Mask và xóa các phần ẩn vĩnh viễn, nhấp chuột phải vào Layer Mask và chọn "Apply Layer Mask".

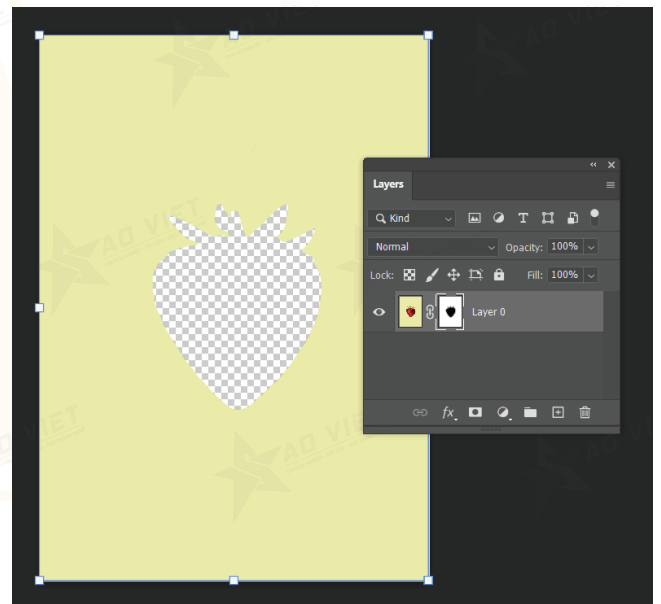
I. Chương 1: Layer Mask và Adjustment Layers

Lưu ý:

- Khi đang có vùng chọn, click vào Layer Mask sẽ che đi phần ngoài vùng chọn. (Hình 1)
- Nếu giữ Alt+Chuột trái chọn vào Layer Mask sẽ che đi phần bên trong vùng chọn. (Hình 2)



Hình 1



Hình 2

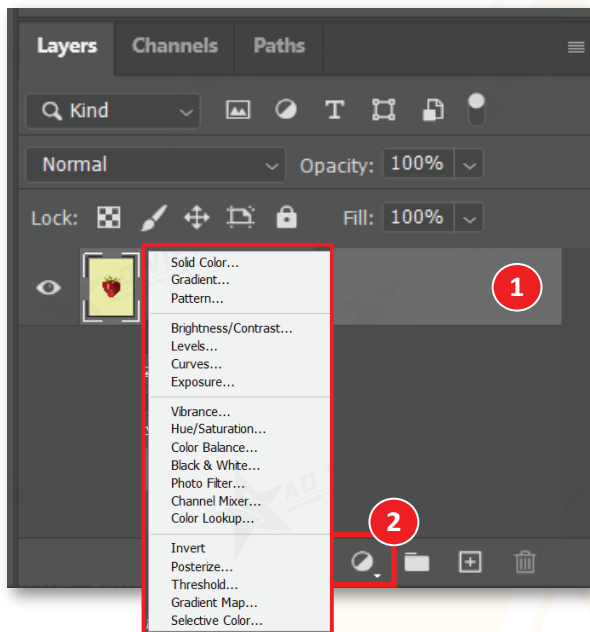
2. Adjustment Layers

Adjustment trong Photoshop là các công cụ và kỹ thuật cho phép bạn điều chỉnh các thuộc tính khác nhau của một hình ảnh, chẳng hạn như độ sáng, độ tương phản, màu sắc, và tông màu. Adjustment Layers cho phép bạn thực hiện các thay đổi này mà không phá hủy hình ảnh gốc, giúp dễ dàng chỉnh sửa lại sau này.

Một số Adjustment phổ biến trong Photoshop:

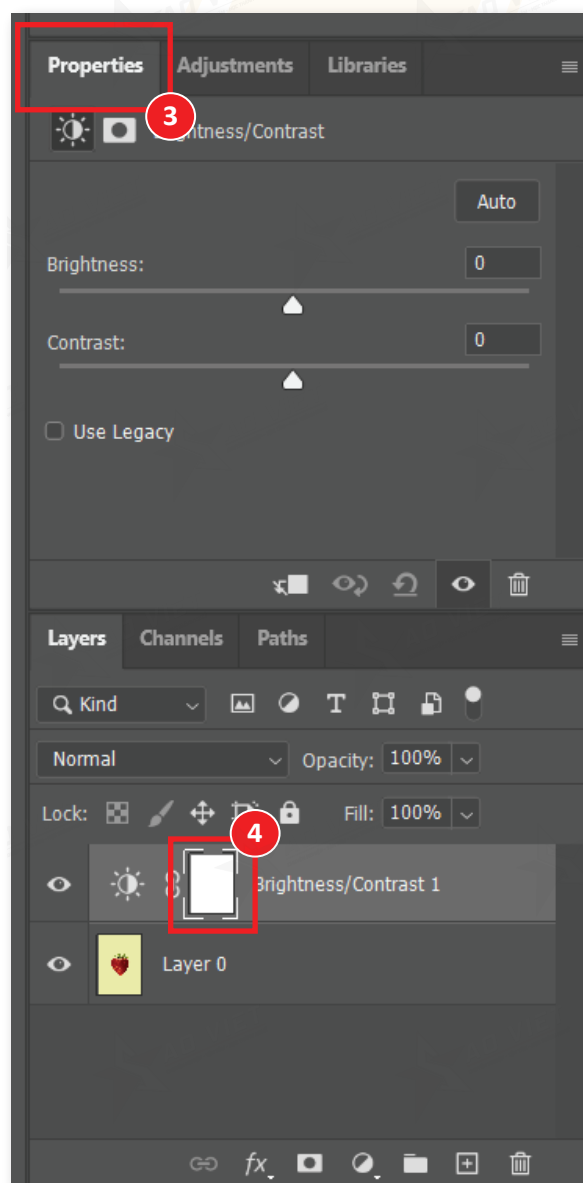
- **Brightness/Contrast:** Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của hình ảnh.
- **Levels:** Điều chỉnh tông màu và cân bằng ánh sáng bằng cách kiểm soát các mức đầu vào và đầu ra.
- **Curves:** Điều chỉnh tông màu thông qua một đồ thị đường cong, cho phép kiểm soát chi tiết hơn về ánh sáng và bóng tối.
- **Exposure:** Điều chỉnh độ phơi sáng của hình ảnh, bao gồm cả Offset và Gamma Correction.
- **Vibrance:** Điều chỉnh cường độ màu sắc, tăng cường màu sắc mà không làm quá bão hòa.
- **Hue/Saturation:** Điều chỉnh màu sắc và độ bão hòa của toàn bộ hình ảnh hoặc màu cụ thể.
- **Color Balance:** Điều chỉnh cân bằng màu sắc giữa các tông màu chính, trung, và tối.
- **Black & White:** Chuyển đổi hình ảnh màu thành đen trắng, cho phép kiểm soát tông màu của từng màu riêng lẻ.
- **Photo Filter:** Áp dụng bộ lọc màu, tương tự như việc đặt một tấm lọc màu lên ống kính máy ảnh.
- **Channel Mixer:** Điều chỉnh tông màu của từng kênh màu riêng lẻ (Red, Green, Blue).

I. Chương 1: Layer Mask và Adjustment Layers



Cách sử dụng Adjustment Layers (1-2)

- Nhấp vào biểu tượng "Create new fill or adjustment layer" ở cuối bảng điều khiển Layers.
- Chọn loại adjustment bạn muốn từ danh sách hiện ra.
- Bạn có thể thêm nhiều Adjustment Layer để tinh chỉnh hình ảnh một cách linh hoạt.
- Kết hợp các Adjustment Layers với Blending Modes và Opacity để tạo hiệu ứng độc đáo.
- Sử dụng công cụ Clipping Mask (Alt + click giữa hai layers) để áp dụng Adjustment Layer chỉ cho layer bên dưới nó.



Điều chỉnh thông số (3)

- Sau khi thêm Adjustment Layer, một bảng điều khiển Properties sẽ xuất hiện, cho phép bạn tùy chỉnh các thông số của adjustment.
- Brightness/Contrast: Kéo thanh trượt Brightness và Contrast để điều chỉnh.
- Levels: Kéo các thanh trượt đen, xám và trắng để điều chỉnh các mức đầu vào, và các thanh trượt Output Levels để điều chỉnh mức đầu ra.
- Curves: Kéo các điểm trên đường cong để điều chỉnh tông màu.
- Hue/Saturation: Điều chỉnh các thanh trượt Hue, Saturation và Lightness.
- Color Balance: Kéo các thanh trượt để điều chỉnh cân bằng màu.

Áp dụng Mask cho Adjustment Layer (4)

- Mỗi Adjustment Layer đi kèm với một Layer Mask mặc định, cho phép bạn kiểm soát vùng ảnh hưởng của adjustment.
- Sử dụng Brush Tool để vẽ trên Layer Mask với màu đen để ẩn phần của adjustment, hoặc màu trắng để hiển thị phần đó.

II. Chương 2: Cài đặt Brush, tạo Preset Brush & Pattern

1. Tải, cài đặt và sử dụng Brush

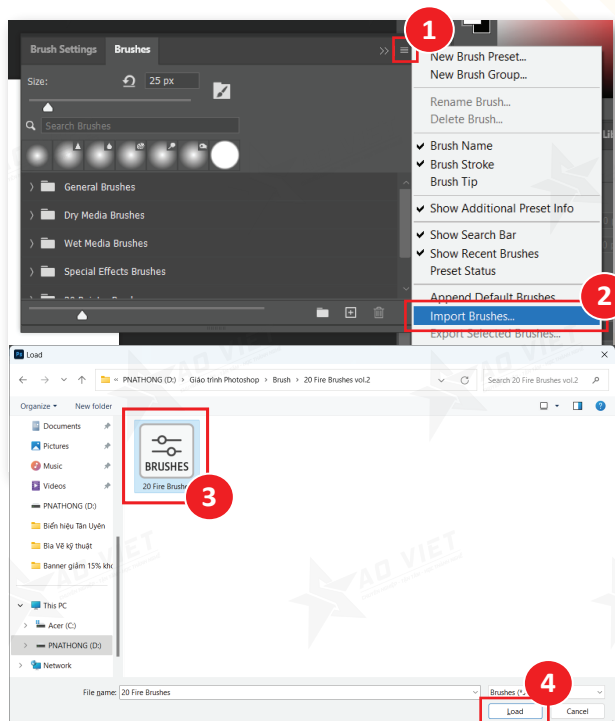
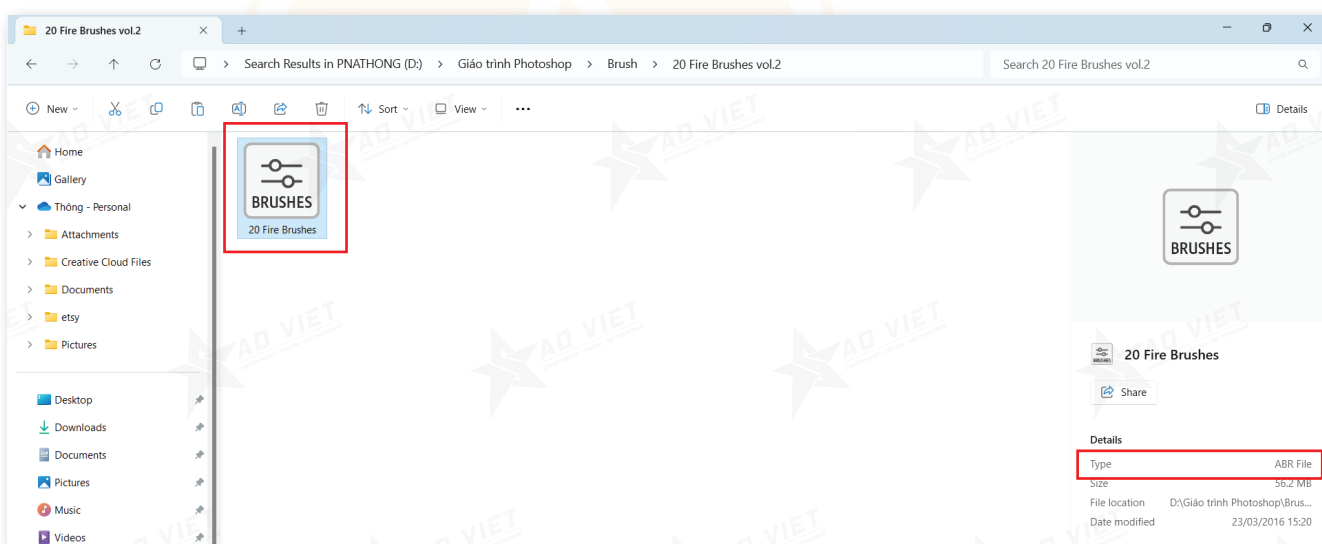
Tìm nguồn Brush

Có nhiều trang web cung cấp brush miễn phí và trả phí cho Photoshop. Một số trang web phổ biến bao gồm:

- Brusheezy
- DeviantArt
- Adobe Creative Cloud
- Gumroad
- Envato Elements

Tải Brush

- Truy cập trang web cung cấp brush và tìm kiếm loại brush mà bạn muốn tải.
- Nhấp vào nút tải xuống và lưu tệp brush (.abr) vào máy tính của bạn.



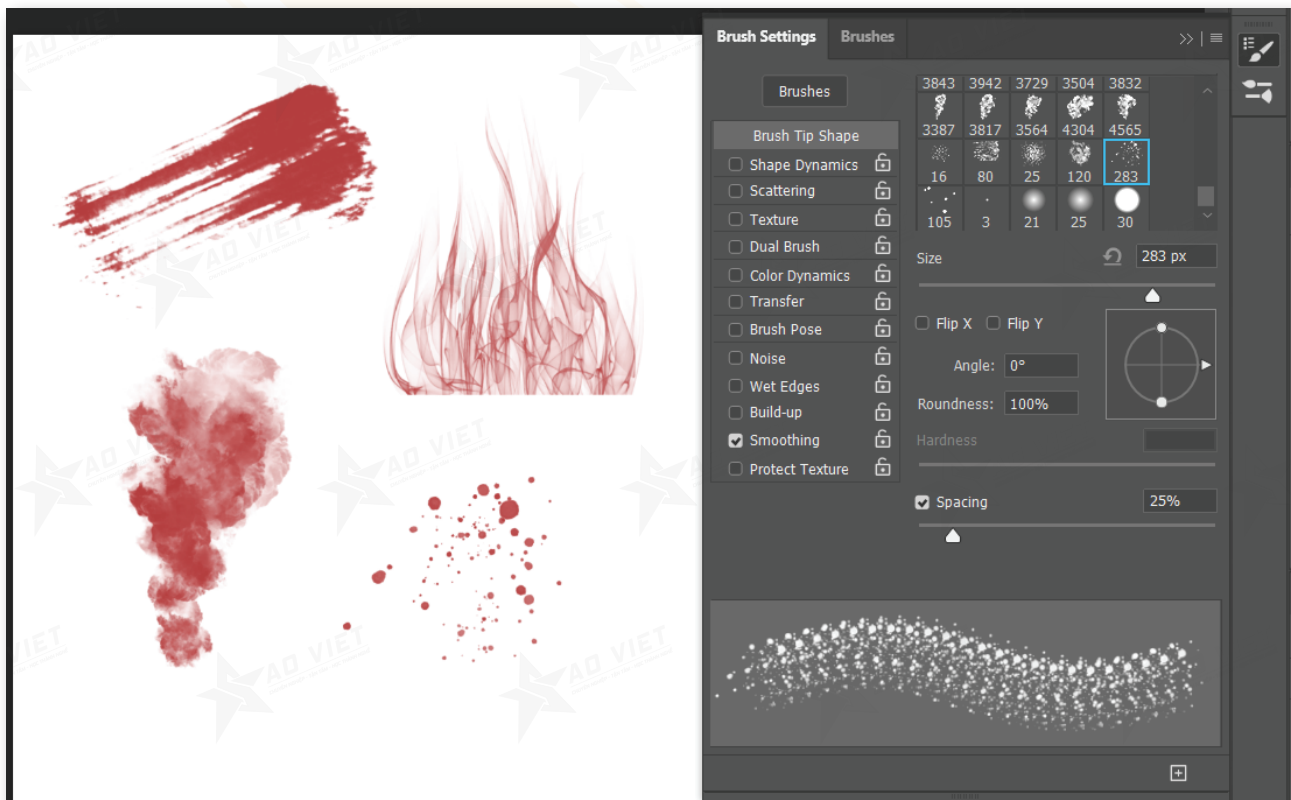
Cài đặt Brush từ bảng điều khiển Brushes

- Mở Photoshop và đi tới bảng điều khiển Brushes (**Window > Brushes** hoặc nhấn **F5**).
- Trong bảng điều khiển Brushes, nhấp vào biểu tượng menu (ba dòng ngang) ở góc trên cùng bên phải.
- Chọn **Import Brushes...** từ menu thả xuống.
- Điều hướng đến tệp .abr bạn đã tải xuống và chọn nó.
- Nhấp vào **Load**. Brush mới sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển Brushes của bạn.

II. Chương 2: Cài đặt Brush, tạo Preset Brush & Pattern

Sử dụng Brush trong Photoshop

- Chọn Brush
 - Mở một tài liệu mới hoặc tài liệu hiện có trong Photoshop.
 - Chọn công cụ Brush (phím tắt B) từ thanh công cụ.
 - Đi tới bảng điều khiển Brushes (Window > Brushes hoặc nhấn F5).
 - Duyệt và chọn brush mà bạn muốn sử dụng từ bảng điều khiển Brushes.
- Tùy chỉnh Brush
 - Với Brush Tool được chọn, bạn có thể tùy chỉnh các thuộc tính của brush trong bảng điều khiển Brush Settings (Window > Brush Settings).
- Các tùy chọn tùy chỉnh bao gồm:
 - **Size:** Điều chỉnh kích thước brush.
 - **Hardness:** Điều chỉnh độ cứng của cạnh brush.
 - **Spacing:** Điều chỉnh khoảng cách giữa các dấu brush khi bạn vẽ.
 - **Shape Dynamics:** Điều chỉnh kích thước, góc độ và sự thay đổi của hình dạng brush.
 - **Scattering:** Điều chỉnh cách brush được phân tán.
 - **Texture:** Thêm texture vào brush.
 - **Dual Brush:** Kết hợp hai brush với nhau.
 - **Color Dynamics:** Thay đổi màu sắc của brush khi bạn vẽ.
 - **Transfer:** Điều chỉnh độ mờ và dòng chảy của brush.



- Vẽ với Brush
 - Chọn brush và tùy chỉnh các thuộc tính như mong muốn.
 - **Nhấn và giữ chuột trái để bắt đầu vẽ trên trang giấy**
 - **Sử dụng các phím tắt [và] để thay đổi kích thước brush nhanh chóng.**
 - **Nhấn Shift + [hoặc Shift +] để thay đổi độ cứng của brush nhanh chóng.**

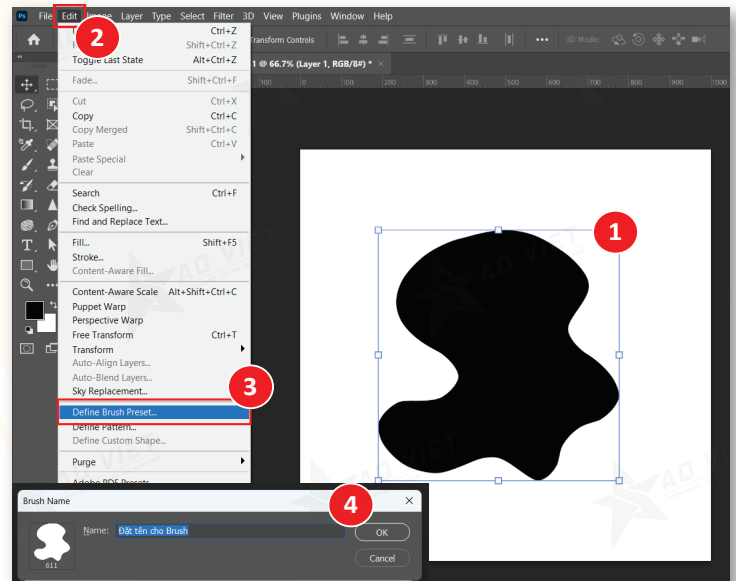
II. Chương 2: Cài đặt Brush, tạo Preset Brush & Pattern

2. Define Brush Preset

Define Brush Preset trong Photoshop là một tính năng cho phép bạn tạo ra một brush mới từ bất kỳ hình dạng hoặc mẫu nào trên canvas của bạn. Điều này rất hữu ích khi bạn muốn tạo ra các brush tùy chỉnh để sử dụng trong các dự án thiết kế hoặc vẽ kỹ thuật số.

Cách tạo Brush Preset

- **B1: Tạo hoặc chọn hình dạng/mẫu** mà bạn muốn biến thành brush. Bạn có thể vẽ một hình dạng bằng Brush Tool, Pen Tool, hoặc bất kỳ công cụ vẽ nào khác. Đảm bảo rằng hình dạng này là màu đen trên nền trắng để có kết quả tốt nhất.
- **B2: Edit > Define Brush Preset....** Một hộp thoại sẽ xuất hiện, cho phép bạn đặt tên cho brush mới của mình. Nhập tên và nhấn OK.



3. Define Pattern

Define Pattern trong Photoshop là một tính năng cho phép bạn tạo ra một mẫu (pattern) từ bất kỳ hình ảnh hoặc phần nào của hình ảnh, sau đó bạn có thể sử dụng mẫu này để tô màu, áp dụng cho các layer, hoặc sử dụng trong các hiệu ứng đặc biệt.

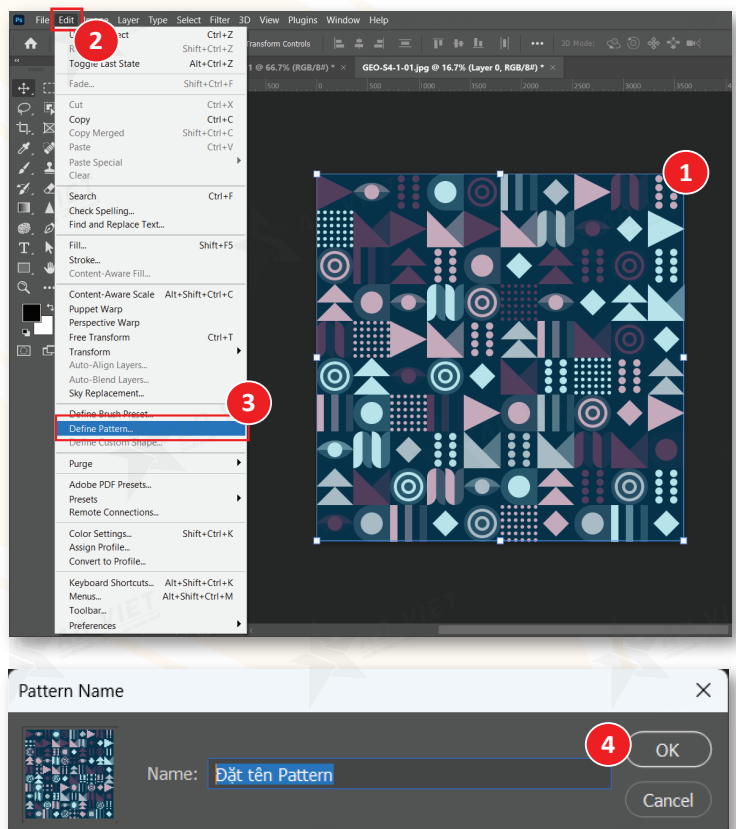
Cách tạo Pattern

Bước 1: Chuẩn bị Hình ảnh hoặc Mẫu Pattern

- Mở Photoshop và tạo một tài liệu mới hoặc mở một tài liệu hiện có.
- Chọn vùng hình ảnh: Sử dụng bất kỳ công cụ chọn nào như Marquee Tool, Lasso Tool, hoặc Quick Selection Tool để chọn vùng mà bạn muốn biến thành pattern. Đảm bảo rằng vùng chọn của bạn có kích thước và nội dung phù hợp để lặp lại liên tục nếu cần.

Bước 2: Tạo Pattern

- Define Pattern:
- Khi vùng chọn đã sẵn sàng, đi tới Edit > Define Pattern....
- Một hộp thoại sẽ xuất hiện yêu cầu bạn đặt tên cho pattern mới. Nhập tên và nhấn OK.

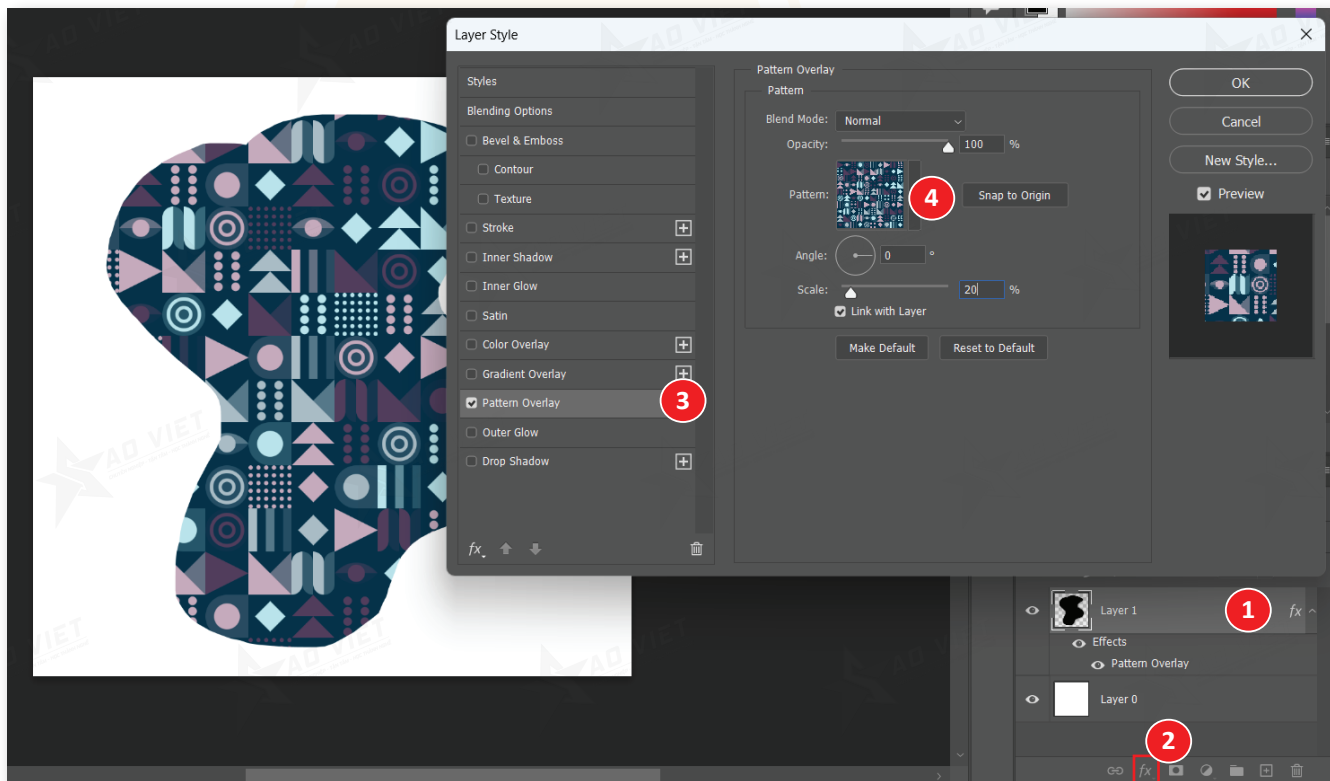


II. Chương 2: Cài đặt Brush, tạo Preset Brush & Pattern

Sử dụng Pattern

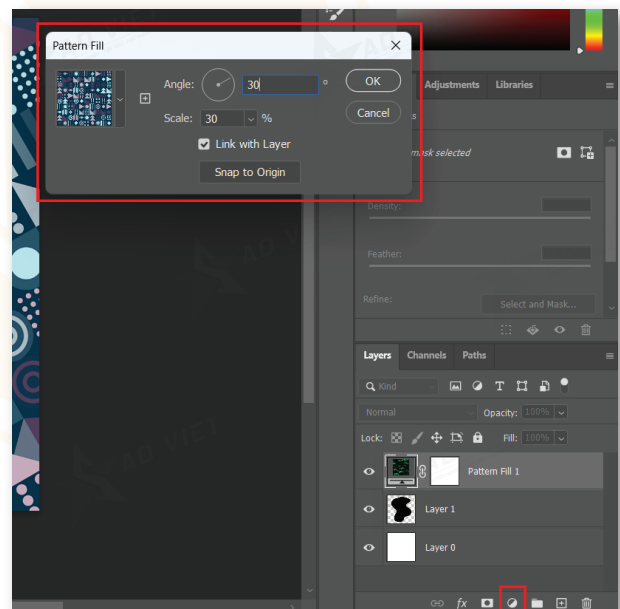
Sử dụng Pattern với Layer Styles

- **Chọn layer:** Chọn layer mà bạn muốn áp dụng pattern. (vùng chọn phải có fill)
- **Mở Layer Style:** Nhấp đúp vào layer để mở hộp thoại Layer Style, hoặc đi tới Layer > Layer Style > Pattern Overlay.
- **Chọn Pattern Overlay:** Trong bảng điều khiển Layer Style, chọn Pattern Overlay.
- **Chọn Pattern:** Từ menu Pattern, chọn pattern mà bạn đã tạo.
- **Điều chỉnh Tùy chọn:** Bạn có thể điều chỉnh Scale, Opacity, và Blending Mode để đạt được hiệu ứng mong muốn.
- **Nhấn OK:** Pattern sẽ được áp dụng cho layer với các tùy chọn bạn đã chọn.



Sử dụng Pattern với Layer Styles

- **Tạo Pattern Fill Layer:** Đi tới Layer > New Fill Layer > Pattern..., chọn pattern và điều chỉnh Scale như mong muốn.
- **Thay đổi Blend Mode:** Trong bảng điều khiển Layers, chọn Pattern Fill Layer... Thay đổi Blend Mode từ menu thả xuống (thường nằm ở góc trên bên trái của bảng Layers, mặc định là Normal). Các blend mode phổ biến khi sử dụng với pattern bao gồm Multiply, Overlay, Soft Light, và Screen.
- **Điều chỉnh Opacity:** Điều chỉnh Opacity của Pattern Fill Layer để đạt được hiệu ứng mong muốn.



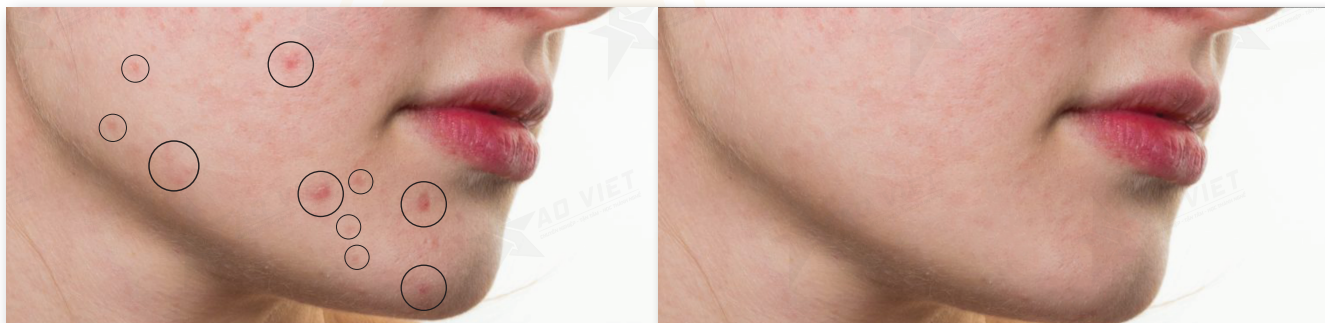
III. Chương 3: Bộ công cụ retouch ảnh

1. Các công cụ chỉnh sửa da và mịn da



Spot Healing Brush Tool:

- Công cụ này giúp loại bỏ các khuyết điểm nhỏ trên da như mụn, đốm, và tàn nhang.
- Sửa khuyết điểm: Nhấp lên các vùng khuyết điểm để loại bỏ chúng. Photoshop sẽ tự động lấy mẫu từ các vùng da xung quanh để điền vào khuyết điểm.



Healing Brush Tool

- Healing Brush Tool cho phép bạn chọn một vùng da làm mẫu để sửa các vùng khuyết điểm lớn hơn.
- Chọn vùng mẫu: Giữ phím Alt (Option trên Mac) và nhấp để chọn vùng da mẫu.
- Sửa khuyết điểm: Nhấp hoặc kéo chuột qua vùng cần sửa chữa.

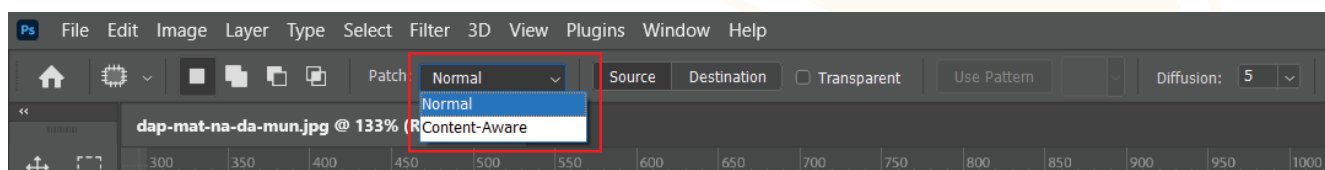


Patch Tool

- Patch Tool sử dụng để sửa chữa các vùng lớn của hình ảnh bằng cách lấy mẫu từ các vùng khác.

Patch Tool có hai chế độ chính: **Normal** và **Content-Aware**.

- **Normal:** Dùng để thay thế vùng chọn bằng mẫu từ một vùng khác, giúp hòa trộn màu sắc và kết cấu.
- **Content-Aware:** Tự động phân tích và lấp đầy vùng chọn dựa trên nội dung xung quanh, giúp tạo ra kết quả tự nhiên hơn.



III. Chương 3: Bộ công cụ retouch ảnh

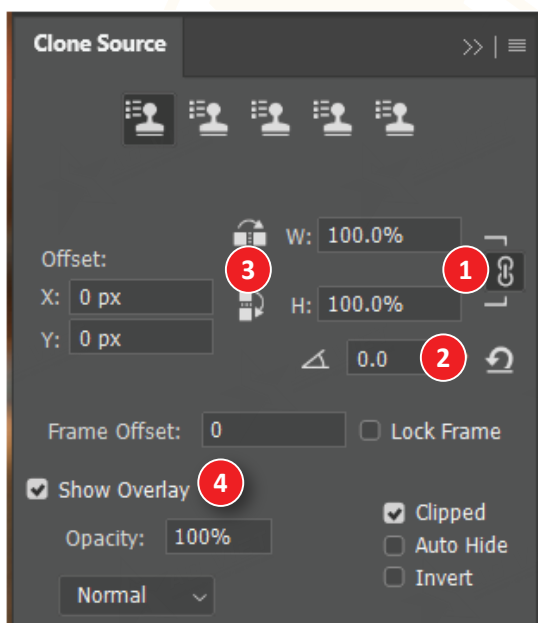
2. Các công cụ chỉnh sửa ảnh



Clone Stamp Tool

Clone Stamp Tool giúp bạn sao chép chính xác một vùng của hình ảnh và dán nó lên vùng khác.

- **Chọn công cụ:** Chọn Clone Stamp Tool từ thanh công cụ (phím tắt S).
- **Chọn vùng mẫu:** Giữ phím Alt (Option trên Mac) và nhấp để chọn vùng mẫu.
- **Sao chép vùng mẫu:** Nhấp hoặc kéo chuột qua vùng cần chỉnh sửa.



Clone Source (tùy chỉnh cho Clone Stamp Tool)

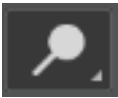
Bằng cách sử dụng bảng Clone Source, bạn có thể thay đổi các thuộc tính của nguồn sao chép như vị trí, kích thước, góc xoay và nhiều hơn nữa.

- **Mở bảng Clone Source:** Đi tới **Window > Clone Source** để mở bảng Clone Source nếu nó chưa được mở.
- **W và H (Width và Height) (1):** Điều chỉnh tỷ lệ của nguồn sao chép. Bạn có thể nhập giá trị phần trăm để thay đổi kích thước.
- **Angle (2):** Xoay nguồn sao chép theo góc độ. Bạn có thể nhập giá trị góc (độ) để xoay.
- **Flip Horizontal và Flip Vertical (3):** Lật nguồn sao chép theo chiều ngang hoặc chiều dọc.
- **Overlay (4):** Hiển thị một bản xem trước của nguồn sao chép trên hình ảnh khi bạn di chuyển công cụ Clone Stamp hoặc Healing Brush. Điều này giúp bạn căn chỉnh nguồn sao chép một cách chính xác.

Ví dụ muốn copy vùng để sửa chiếc đĩa đầy đặn, xoay góc của nguồn sao chép sao cho vừa khớp với phần còn lại và bôi chuột.



III. Chương 3: Bộ công cụ retouch ảnh

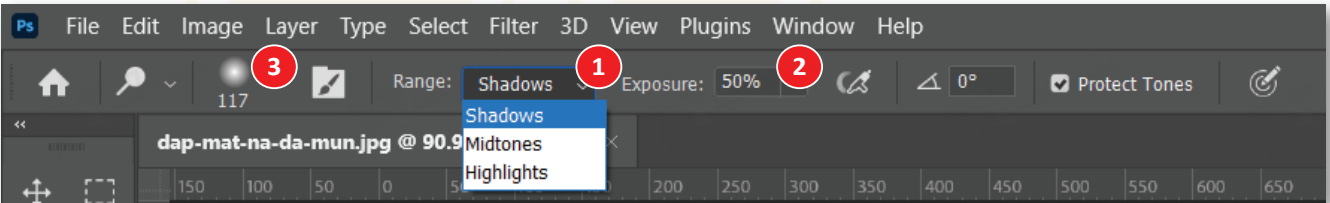


Dodge Tool

Dodge Tool sử dụng để làm sáng các vùng cụ thể của hình ảnh. Công cụ này hữu ích trong việc tạo điểm nhấn, tăng độ tương phản và điều chỉnh ánh sáng để làm nổi bật các chi tiết quan trọng trong ảnh.

Cài đặt một số thông số để đạt được kết quả tốt nhất.

- **Range (1):** Xác định phạm vi tone màu sẽ bị ảnh hưởng. Bạn có thể chọn Shadows, Midtones, Highlights tùy thuộc vào phần của hình ảnh mà bạn muốn làm sáng.
 - Shadows: Làm sáng các vùng tối.
 - Midtones: Làm sáng các vùng trung tính.
 - Highlights: Làm sáng các vùng sáng.
- **Exposure (2):** Kiểm soát mức độ làm sáng của công cụ. Giá trị thấp sẽ làm sáng nhẹ, giá trị cao sẽ làm sáng mạnh hơn. Bạn nên bắt đầu với giá trị thấp (khoảng 5-10%) và tăng dần nếu cần.
- **Brush (3):** Chọn loại brush và điều chỉnh kích thước brush sao cho phù hợp với vùng cần làm sáng. Bạn có thể thay đổi kích thước brush bằng các phím [và].

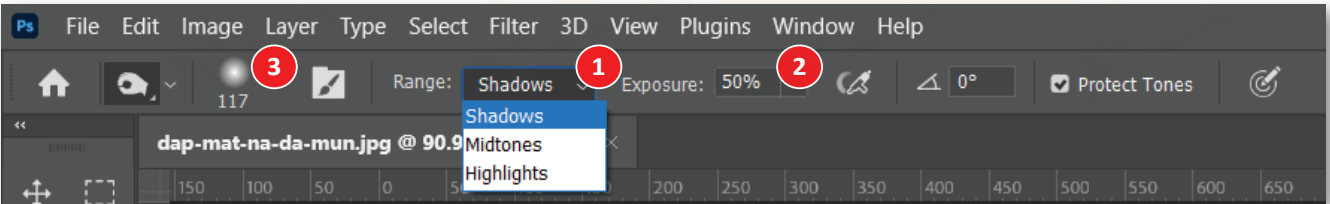


Burn Tool

Burn Tool được sử dụng để làm tối các vùng cụ thể của hình ảnh. Công cụ này rất hữu ích trong việc tạo chiều sâu, tăng cường độ tương phản và làm nổi bật các chi tiết bằng cách làm tối các khu vực nhất định.

Cài đặt một số thông số để đạt được kết quả tốt nhất.

- **Range:** Xác định phạm vi tông màu sẽ bị ảnh hưởng. Bạn có thể chọn Shadows, Midtones, hoặc Highlights tùy thuộc vào phần của hình ảnh mà bạn muốn làm tối.
 - Shadows: Làm tối các vùng tối.
 - Midtones: Làm tối các vùng trung tính.
 - Highlights: Làm tối các vùng sáng.
- **Exposure:** Kiểm soát mức độ làm tối của công cụ. Giá trị thấp sẽ làm tối nhẹ, giá trị cao sẽ làm tối mạnh hơn. Bạn nên bắt đầu với giá trị thấp (khoảng 5-10%) và tăng dần nếu cần.
- **Brush:** Chọn loại brush và điều chỉnh kích thước brush sao cho phù hợp với vùng cần làm tối. Bạn có thể thay đổi kích thước brush bằng các phím [và].



Lưu ý: Bạn cũng có thể dùng Dodge Tool và Burn Tool trên Layer mới và Layer Mask

- Để giữ cho việc chỉnh sửa không phá hủy và dễ dàng hoàn nguyên, bạn có thể sử dụng Dodge Tool và Burn Tool trên một layer mới.
- Sử dụng Layer Mask để kiểm soát chính xác hơn vùng mà Dodge Tool ảnh hưởng đến.

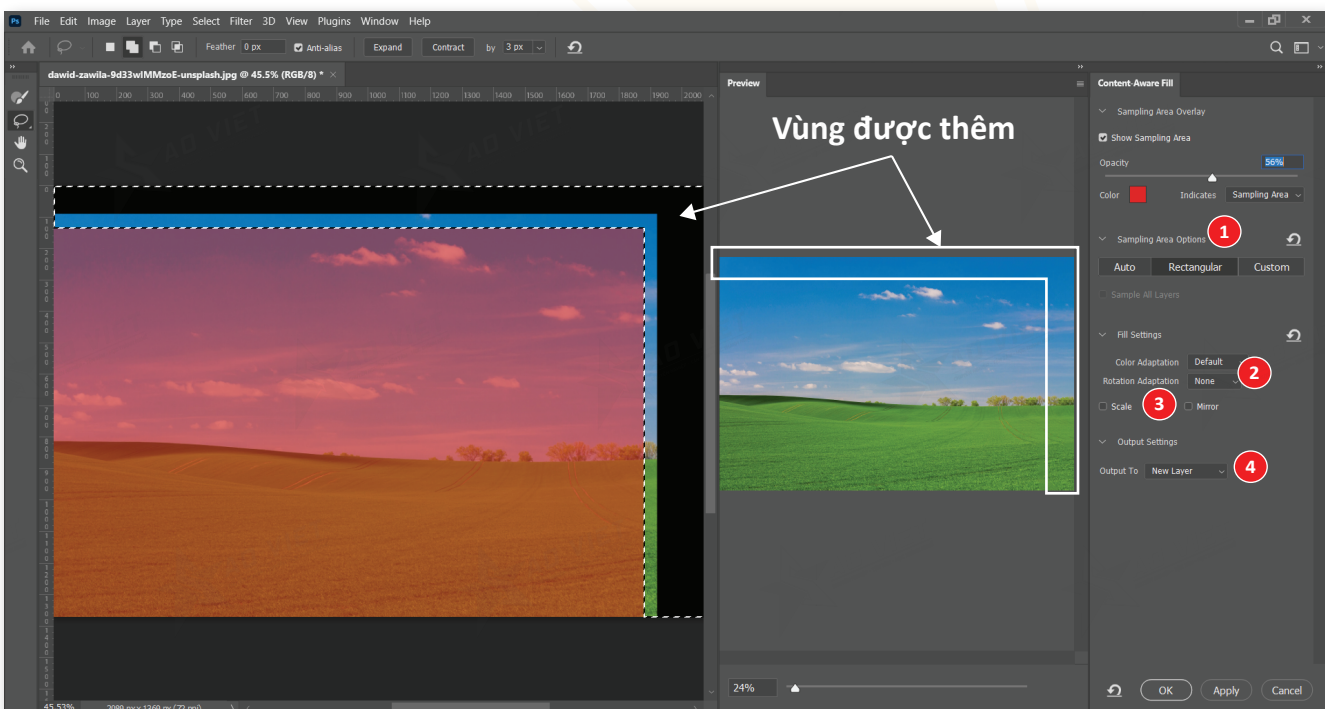
IV. Chương 4: Chỉnh sửa Layer nâng cao (Menu Edit)

1. Mở rộng hình ảnh với Content-Aware Fill...

Chức năng Content-Aware Fill trong Photoshop là một công cụ mạnh mẽ giúp bạn mở rộng hình ảnh hoặc loại bỏ các đối tượng không mong muốn một cách tự động và thông minh. Công cụ này sử dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích các vùng xung quanh và tạo ra các kết quả tự nhiên và liền mạch.

Cách sử dụng:

- Chọn một trong các công cụ để tạo vùng chọn bao quanh khu vực bạn muốn mở rộng.
- **Đi tới Edit > Content-Aware Fill.** Một cửa sổ mới sẽ xuất hiện với các tùy chọn Content-Aware Fill.
- **Cửa sổ Content-Aware Fill:** Cửa sổ này sẽ hiển thị vùng chọn và khu vực xung quanh được sử dụng để tạo ra nội dung điền vào. Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt sau:
 - **Sampling Area Options (1):** Chọn Custom để tùy chỉnh vùng mẫu hoặc Auto để Photoshop tự động xác định vùng mẫu.
 - Fill Settings:
 - **Color Adaptation (2):** Điều chỉnh màu sắc để phù hợp với vùng xung quanh. Bật hoặc tắt tùy theo nhu cầu.
 - **Rotation Adaptation (2):** Cho phép xoay nội dung điền vào để phù hợp với vùng xung quanh. Bật hoặc tắt tùy theo nhu cầu.
 - **Scale (3):** Cho phép thay đổi kích thước nội dung điền vào.
 - **Mirror (3):** Lật nội dung điền vào theo chiều ngang.
 - **Output Settings (4):** Chọn New Layer để xuất kết quả trên một layer mới, giữ cho hình ảnh gốc không bị ảnh hưởng.
- **Điều chỉnh vùng mẫu:** Sử dụng Brush Tool trong cửa sổ Content-Aware Fill để thêm hoặc loại bỏ các vùng mẫu. Vùng mẫu được đánh dấu bằng màu xanh lá cây.
- **Nhấp vào OK:** Sau khi hài lòng với các cài đặt, nhấp vào OK để áp dụng Content-Aware Fill. Photoshop sẽ tự động điền thêm nội dung vào vùng chọn dựa trên các vùng xung quanh.



IV. Chương 4: Chỉnh sửa Layer nâng cao (Menu Edit)

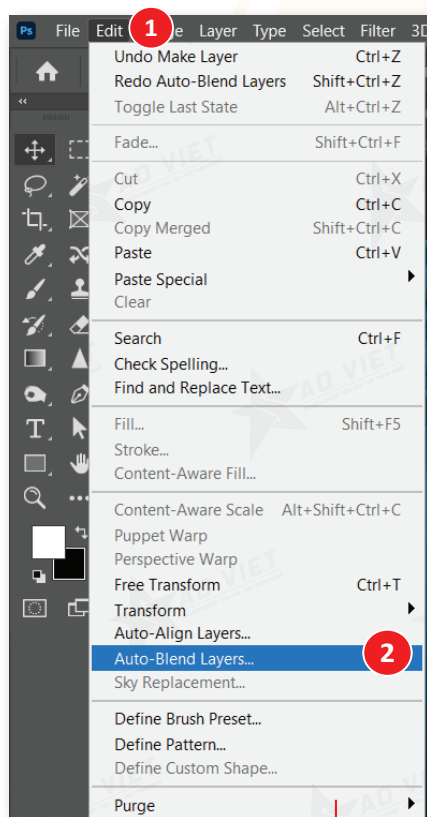
2. Auto-Blend Layers...

Auto-Blend Layers là một tính năng giúp bạn kết hợp nhiều layer để tạo ra một hình ảnh liền mạch. Công cụ này rất hữu ích cho việc ghép ảnh panorama, tạo ảnh HDR (High Dynamic Range), hoặc đơn giản là kết hợp các phần của các hình ảnh khác nhau.

Auto-Blend Layers tự động điều chỉnh màu sắc, ánh sáng và tạo mặt nạ để hòa trộn các layer một cách tự nhiên nhất.

Chuẩn bị các Layer

- Mở các hình ảnh mà bạn muốn kết hợp. Đảm bảo rằng mỗi hình ảnh nằm trên một layer riêng biệt.
- Chọn tất cả các layer mà bạn muốn hòa trộn trong bảng Layers. Bạn có thể chọn nhiều layer bằng cách giữ phím Shift và nhấp vào từng layer.



Sử dụng Auto-Blend Layers

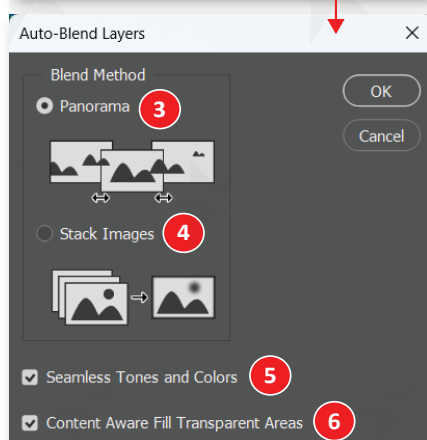
- Đi tới **Edit > Auto-Blend Layers**. Hộp thoại Auto-Blend Layers sẽ xuất hiện.

Chọn chế độ hòa trộn

- Panorama (3): Dùng để ghép các hình ảnh với nhau để tạo ra một bức ảnh rộng lớn hơn, như khi bạn chụp ảnh panorama.
- Stack Images (4): Dùng để kết hợp nhiều hình ảnh của cùng một cảnh chụp với các tiêu điểm khác nhau, tạo ra một hình ảnh có độ sâu trường ảnh lớn hơn

Các tùy chọn khác

- Seamless Tones and Colors (5): Tự động điều chỉnh màu sắc và tông màu để tạo sự liền mạch giữa các layer.
- Content-Aware Fill Transparent Areas (6): Sử dụng Content-Aware Fill để điền các vùng trong suốt do việc hòa trộn gây ra.



Nhấp vào OK: Photoshop sẽ tự động hòa trộn các layer dựa trên các tùy chọn bạn đã chọn. Quá trình này có thể mất một chút thời gian tùy thuộc vào số lượng và kích thước của các layer.

Kiểm tra và Chỉnh sửa

- Kiểm tra kết quả hòa trộn: Sau khi quá trình hoàn tất, kiểm tra kết quả để đảm bảo rằng các layer đã được hòa trộn một cách tự nhiên.
- Chỉnh sửa mặt nạ layer nếu cần: Photoshop sẽ tự động tạo mặt nạ layer để giúp hòa trộn các hình ảnh. Bạn có thể chỉnh sửa các mặt nạ này bằng cách sử dụng Brush Tool để thêm hoặc xóa các phần của layer, giúp cải thiện kết quả hòa trộn.

IV. Chương 4: Chỉnh sửa Layer nâng cao (Menu Edit)

Bài tập ứng dụng

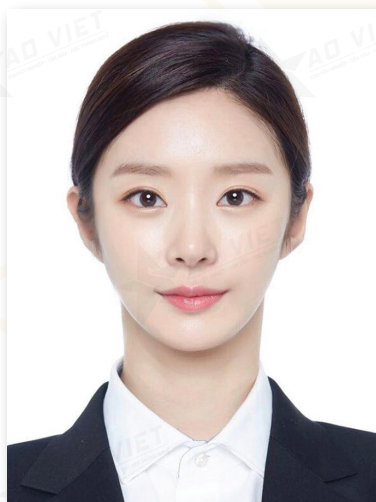
Cắt và ghép hình máy bay và cảnh bằng tính năng Auto-Blend Layers



Sử dụng tính năng Auto-Blend Layers để lồng ghép khuôn mặt ảnh thẻ



+



=



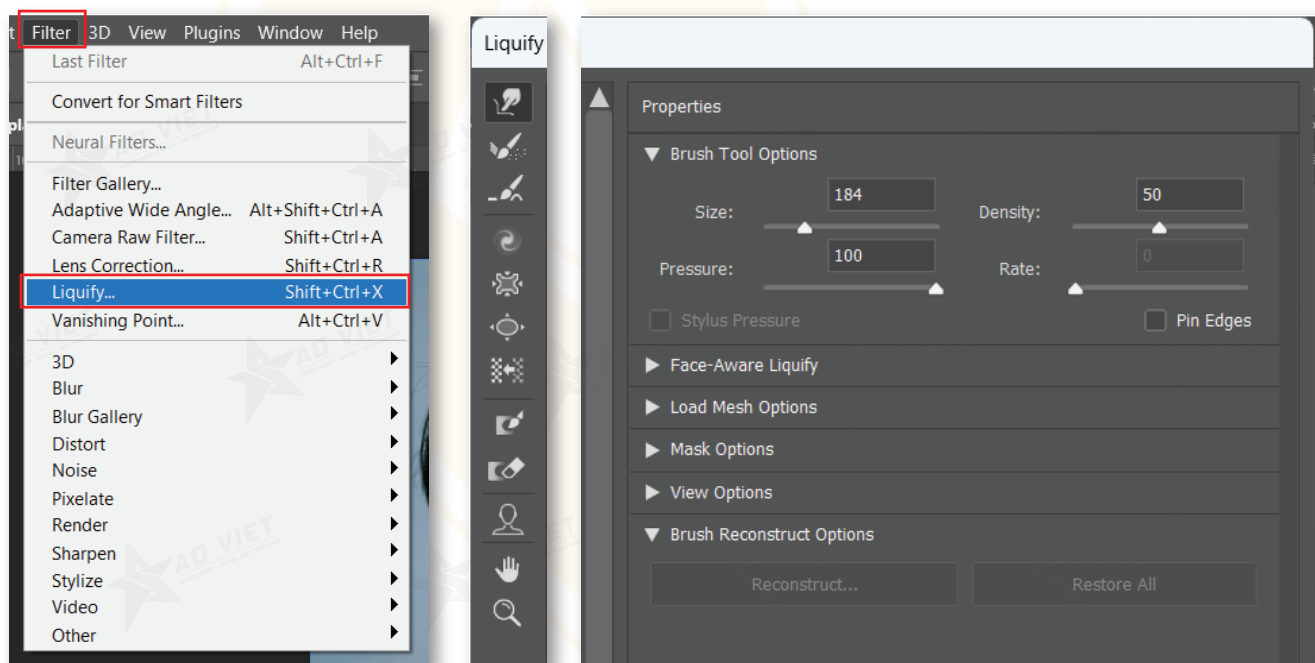
V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Menu Filter)

1. Liquify

Liquify là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất trong Photoshop để chỉnh sửa hình dạng và khuôn mặt. Nó cho phép bạn thao tác và điều chỉnh các phần khác nhau của hình ảnh một cách linh hoạt và tự nhiên. Công cụ này rất hữu ích trong việc chỉnh sửa ảnh chân dung, thời trang, và thậm chí là tạo các hiệu ứng nghệ thuật.

Cách mở và sử dụng Liquify

- Mở và Chuẩn bị Hình Ảnh
- Mở Photoshop và mở hình ảnh mà bạn muốn chỉnh sửa.
- Chuyển layer thành **Smart Object** để đảm bảo rằng bạn có thể quay lại và chỉnh sửa các thiết lập của Liquify bất cứ lúc nào mà không làm mất dữ liệu gốc.
- Để chuyển layer thành Smart Object, chuột phải vào layer, chọn Convert to Smart Object.
- **Đi tới Filter > Liquify.** Cửa sổ Liquify sẽ mở ra với một loạt các công cụ và tùy chọn



V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Menu Filter)

Các Công Cụ Chính trong Liquify

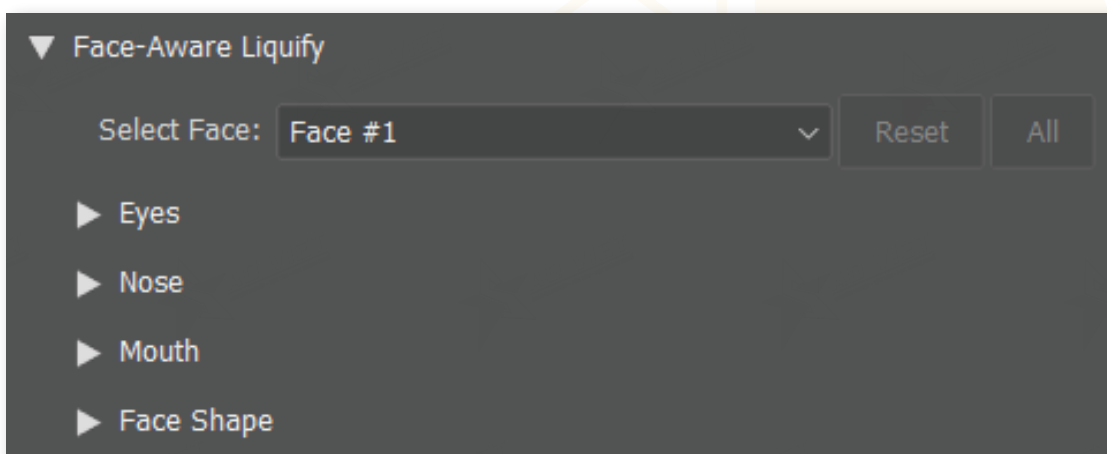


Liquify

- Forward Warp Tool (W):**
 - Dùng để kéo các phần của hình ảnh theo hướng di chuyển chuột.
 - Thường được dùng để điều chỉnh hình dạng của các phần như mặt, thân hình, quần áo.
- Reconstruct Tool (R):**
 - Khôi phục lại các phần đã bị biến đổi về trạng thái ban đầu.
- Smooth Tool (S):**
 - Làm mịn các biến dạng mà bạn đã thực hiện.
- Twirl Clockwise Tool (C):**
 - Xoay các phần của hình ảnh theo chiều kim đồng hồ.
 - Dùng để tạo hiệu ứng xoắn hoặc thay đổi hình dạng.
- Pucker Tool (P):**
 - Kéo các điểm ảnh vào tâm của brush, làm co lại các phần của hình ảnh.
 - Thường được dùng để làm gọn các phần như eo hoặc khuôn mặt.
- Bloat Tool (B):**
 - Đẩy các điểm ảnh ra khỏi tâm của brush, làm phình to các phần của hình ảnh.
 - Thường được dùng để làm to các phần như mắt hoặc cơ bắp.
- Push Left Tool (O):**
 - Kéo các điểm ảnh sang trái khi bạn kéo chuột lên, và sang phải khi bạn kéo chuột xuống.
- Freeze Mask Tool (F):**
 - Dùng để bảo vệ các phần của hình ảnh không bị biến đổi.
 - Vẽ một vùng mặt nạ lên phần bạn không muốn chỉnh sửa.
- Thaw Mask Tool (D):**
 - Xóa vùng mặt nạ đã được tạo ra bởi Freeze Mask Tool.

Chỉnh sửa Khuôn Mặt với Face-Aware Liquify

- Chọn Face Tool (A) từ thanh công cụ bên trái.
- Bạn có thể nhấp và kéo các phần này để điều chỉnh:
- Eyes:** Thay đổi kích thước, khoảng cách, và độ cao của mắt.
- Nose:** Điều chỉnh chiều rộng và độ cao của mũi.
- Mouth:** Thay đổi kích thước, độ rộng, và vị trí của miệng.
- Face Shape:** Điều chỉnh kích thước khuôn mặt, độ rộng trán, và độ cao cằm.



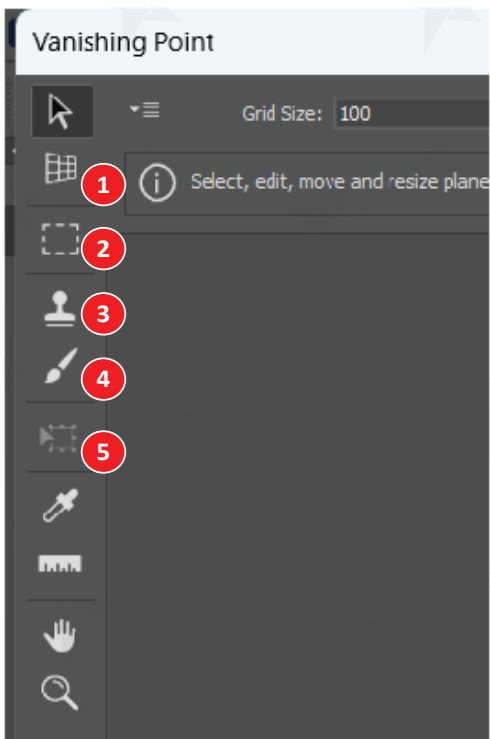
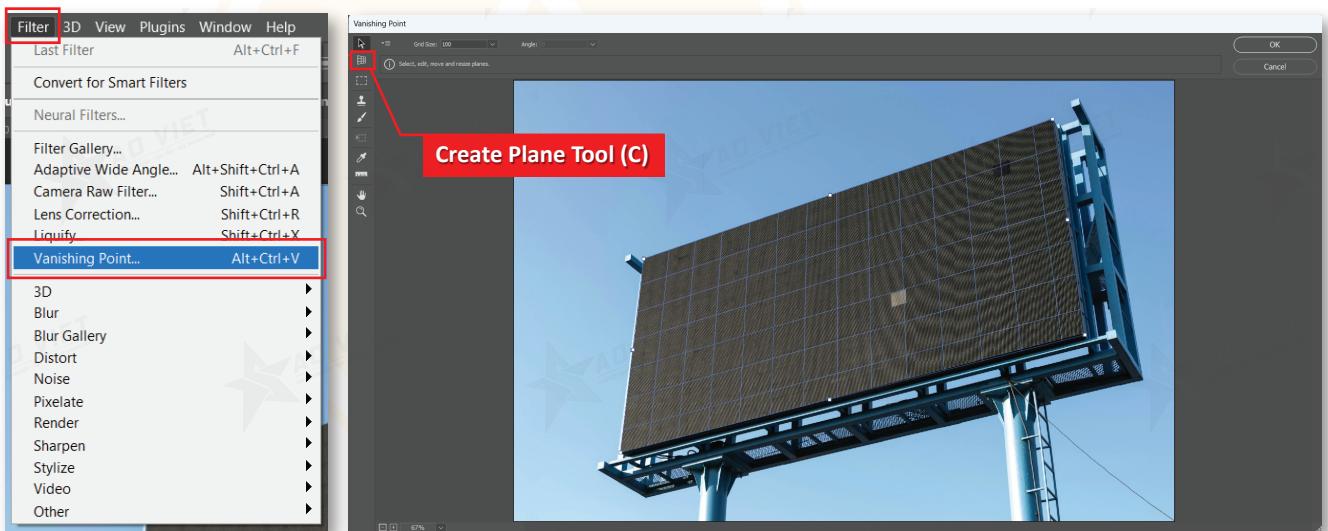
V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Menu Filter)

2. Vanishing Point...

Vanishing Point Tool trong Photoshop là một công cụ mạnh mẽ cho phép bạn làm việc với các bề mặt có phối cảnh, giúp bạn dễ dàng chỉnh sửa và thêm các yếu tố vào hình ảnh theo đúng phối cảnh tự nhiên. Công cụ này rất hữu ích cho việc chỉnh sửa các bề mặt phẳng như tường, sàn nhà, và các đối tượng 3D.

Mở và chuẩn bị hình ảnh

- Mở Photoshop và mở hình ảnh mà bạn muốn chỉnh sửa.
- **Chuyển layer thành Smart Object** (không bắt buộc nhưng rất được khuyến khích). Điều này giúp bạn có thể quay lại và chỉnh sửa các thiết lập của Vanishing Point bất cứ lúc nào mà không làm mất dữ liệu gốc.
- Để chuyển layer thành Smart Object, chuột phải vào layer và chọn Convert to Smart Object.
- **Đi tới Filter > Vanishing Point.** Cửa sổ Vanishing Point sẽ mở ra.

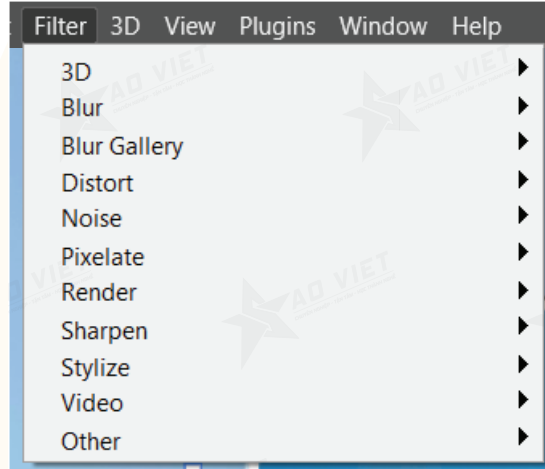


- **Tạo lưới phối cảnh**
 - Chọn **Create Plane Tool (C)** từ thanh công cụ bên trái. **(1)**
 - Nhấp để tạo các điểm trên hình ảnh nhằm xác định một bề mặt phẳng theo phối cảnh. Bắt đầu với bốn điểm để tạo ra một lưới đơn giản.
 - Kéo các điểm để điều chỉnh lưới sao cho nó phù hợp với phối cảnh tự nhiên của bề mặt bạn muốn làm việc.
- **Marquee Tool (M):** Dùng để chọn và di chuyển các phần của hình ảnh. **(2)**
- **Clone Stamp Tool (S):** Dùng để sao chép các phần của hình ảnh theo đúng phối cảnh. **(3)**
- **Brush Tool (B):** Dùng để vẽ hoặc tô màu trên bề mặt theo phối cảnh. **(4)**
- **Transform Tool (T):** Dùng để thay đổi kích thước và xoay vùng được chọn theo đúng phối cảnh. **(5)**

V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Menu Filter)

3. Một số hiệu ứng khác

Photoshop cung cấp một loạt các hiệu ứng trong menu Bộ lọc (Filter), cho phép bạn biến đổi hình ảnh theo nhiều cách sáng tạo và chức năng khác nhau. Dưới đây là tổng quan về các bộ lọc chính trong menu Bộ lọc của Photoshop



- **Blur - Làm mờ**

Các bộ lọc này làm mềm hình ảnh hoặc các phần đã chọn của hình ảnh bằng cách giảm độ tương phản giữa các điểm ảnh liền kề.

- Average: Làm mờ hình ảnh bằng cách trung bình hóa các màu.
- Blur: Làm mềm lựa chọn hoặc toàn bộ hình ảnh nhẹ nhàng.
- Blur More: Phiên bản mạnh hơn của Blur.
- Box Blur: Làm mờ hình ảnh dựa trên giá trị màu trung bình của các điểm ảnh lân cận.
- Gaussian Blur: Áp dụng hiệu ứng mờ dựa trên hàm Gaussian.
- Lens Blur: Tạo ra một hiệu ứng mờ giống như ống kính máy ảnh.
- Motion Blur: Làm mờ hình ảnh theo một hướng và khoảng cách cụ thể.
- Radial Blur: Mô phỏng hiệu ứng mờ của một máy ảnh zoom hoặc quay.
- Shape Blur: Làm mờ một hình ảnh bằng cách sử dụng một hình dạng cụ thể.
- Smart Blur: Làm mờ hình ảnh trong khi vẫn giữ các cạnh.

- **Blur Gallery - Thư viện làm mờ**

Các bộ lọc này cung cấp các hiệu ứng làm mờ khác nhau với các điều khiển trực tiếp trên hình ảnh.

- Field Blur: Thêm nhiều hiệu ứng làm mờ với các ghim.
- Iris Blur: Tạo hiệu ứng làm mờ xung quanh một lựa chọn, giữ lại tiêu điểm ở trung tâm.
- Tilt-Shift: Mô phỏng hiệu ứng của ống kính tilt-shift.
- Path Blur: Thêm hiệu ứng làm mờ chuyển động dọc theo một đường dẫn.
- Spin Blur: Thêm hiệu ứng làm mờ chuyển động tròn.

V. Chương 5: Chỉnh sửa ảnh và hiệu ứng nâng cao (Menu Filter)

• Biến dạng (Distort)

Các bộ lọc này biến dạng hình ảnh, tạo ra nhiều hiệu ứng khác nhau.

- Displace: Sử dụng bản đồ dịch chuyển để biến dạng hình ảnh.
- Pinch: Bóp các phần của hình ảnh vào tâm.
- Polar Coordinates: Chuyển đổi hình ảnh từ tọa độ hình chữ nhật sang tọa độ cực hoặc ngược lại.
- Ripple: Tạo ra một mô hình lượn sóng trên hình ảnh.
- Shear: Xoắn hình ảnh dọc theo một đường cong.
- Spherize: Quấn hình ảnh quanh một hình cầu.
- Twirl: Xoắn hình ảnh xung quanh một điểm.
- Wave: Tạo ra một mô hình sóng.
- ZigZag: Biến dạng hình ảnh theo hướng tâm từ một điểm trung tâm.

• Noise - Nhiễu

Các bộ lọc này thêm hoặc giảm nhiễu trong một hình ảnh.

- Add Noise: Thêm nhiễu ngẫu nhiên vào hình ảnh.
- Despeckle: Giảm nhiễu bằng cách làm mờ các vùng có sự thay đổi màu sắc đáng kể.
- Dust & Scratches: Giảm nhiễu bằng cách làm mờ hình ảnh.
- Median: Giảm nhiễu trong khi vẫn giữ các cạnh.

• Other - Khác

Các bộ lọc này cung cấp các tùy chọn bổ sung để thao tác hình ảnh.

- Custom: Cho phép bạn thiết kế bộ lọc riêng của mình.
- High Pass: Giữ lại các chi tiết cạnh và làm mờ phần còn lại của hình ảnh.
- Maximum: Mở rộng các vùng trắng và thu nhỏ các vùng đen.
- Minimum: Mở rộng các vùng đen và thu nhỏ các vùng trắng.
- Offset: Di chuyển một lựa chọn theo bất kỳ hướng nào và điền vào các khu vực trống bằng nội dung.

VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup

1. Mockup là gì?

Mockup là một bản mô phỏng hoặc mẫu thử của sản phẩm cuối cùng, được sử dụng để trình bày ý tưởng thiết kế một cách trực quan và chi tiết trước khi sản phẩm thực tế được sản xuất. Mockup giúp các nhà thiết kế, khách hàng và các bên liên quan hình dung được sản phẩm hoàn thiện trông như thế nào, từ đó có thể đánh giá và điều chỉnh thiết kế nếu cần thiết.

• Các ứng dụng của mockup:

- **Trình bày thiết kế:** Mockup giúp trình bày thiết kế của bạn một cách chuyên nghiệp và trực quan. Điều này đặc biệt hữu ích khi bạn muốn giới thiệu sản phẩm của mình với khách hàng hoặc nhà đầu tư.
- **Thử nghiệm và phản hồi:** Trước khi đi vào sản xuất, mockup cho phép bạn thử nghiệm các thiết kế và nhận phản hồi từ khách hàng hoặc nhóm làm việc để có thể cải tiến và hoàn thiện thiết kế.
- **Tiết kiệm thời gian và chi phí:** Sử dụng mockup giúp bạn phát hiện và chỉnh sửa các vấn đề trong thiết kế sớm, tránh được những sai sót và chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất.

• Ví dụ về các loại mockup:

- **Mockup đồ họa:** Áp dụng cho các thiết kế đồ họa như logo, banner, poster, bao bì sản phẩm, sách báo, tạp chí, v.v.
- **Mockup giao diện người dùng (UI):** Được sử dụng trong thiết kế web và ứng dụng để mô phỏng giao diện và trải nghiệm người dùng.
- **Mockup sản phẩm:** Áp dụng cho các sản phẩm vật lý như áo thun, cốc, điện thoại, máy tính bảng, hộp sản phẩm, v.v.

• Một số lưu ý khi sử dụng mockup:

- Kiểm tra giấy phép sử dụng
- Chọn mockup phù hợp
- Sử dụng Smart Objects
- Chỉnh sửa không phá hủy (sử dụng Layer Masks / Adjustment Layers)
- Tùy chỉnh mockup chính chu
- Sử dụng các chế độ hòa trộn
- Kiểm tra và đánh giá
- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- Quản lý file một cách hợp lý

VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup

2. Cách tạo Mockup

• Bước 1: Chuẩn bị hình ảnh nền

- Mở Photoshop và mở hình ảnh nền mà bạn muốn sử dụng cho mockup. Đây có thể là hình ảnh của một áo thun, bảng quảng cáo, màn hình điện thoại, v.v.

• Bước 2: Chuẩn bị thiết kế của bạn

- Mở thiết kế của bạn trong Photoshop hoặc chuyển thiết kế vào tài liệu hiện tại hoặc tạo một hình dạng mong muốn
- Sắp xếp thiết kế sao cho phù hợp với vị trí mà bạn muốn hiển thị trên hình ảnh nền



• Bước 3: Tạo Smart Object

- Chọn layer chứa thiết kế của bạn.
- Chuyển layer thành Smart Object bằng cách nhấp chuột phải vào layer và chọn Convert to Smart Object. Điều này cho phép bạn dễ dàng chỉnh sửa thiết kế sau này.

• Bước 4: Đặt Smart Object lên hình ảnh nền

- Kéo và thả Smart Object chứa thiết kế của bạn vào hình ảnh nền.
- Điều chỉnh kích thước và vị trí của thiết kế sao cho phù hợp với không gian trên hình ảnh nền. Sử dụng công cụ Free Transform (Ctrl + T) để thay đổi kích thước và xoay thiết kế.



VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup

• Bước 5: Tùy chỉnh và áp dụng các hiệu ứng cần thiết

- Sau khi tạo xong ở bước 4, bạn có thể nhấp đôi chuột trái vào layer Smart Object để đi đến tab tùy chỉnh thiết kế của bạn. Tại đây, bạn có thể thay đổi, chỉnh sửa thiết kế tùy ý và lưu thiết kế lại (**Ctrl+S**)



Lưu ý:

Hãy tận dụng Clipping Mask và các tính năng khác trong chế độ Layer Smart Object để tối giản thao tác và dễ quản lý hơn file Mockup của bạn.

VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup

• Bước 6: Hoàn thiện

- Quay lại file tạo mockup, sử dụng các chế độ hoà trộn (Blending Modes): Tùy vào loại mockup, bạn có thể cần thay đổi chế độ hòa trộn của thiết kế để nó hoà hợp với nền (Ví dụ: Multiply, Screen, Overlay, v.v.).
- Áp dụng Layer Mask: Nếu cần, bạn có thể tạo layer mask để xóa đi các phần không mong muốn của thiết kế, giúp nó phù hợp hơn với hình ảnh nền.
- Thêm Shadow và Highlights: Sử dụng các công cụ như Brush Tool hoặc Gradient Tool để thêm bóng và các điểm sáng nhằm làm cho mockup trông tự nhiên hơn.
- Có thể áp dụng thêm Adjustment Layers để điều chỉnh ánh sáng, màu sắc cho mockup của bạn



3. Sử dụng Mockup có sẵn

Có nhiều trang web cung cấp các mockup miễn phí mà bạn có thể tải về và sử dụng cho các dự án thiết kế của mình. Dưới đây là một số nguồn phổ biến và đáng tin cậy:

• Freepik

Freepik cung cấp hàng ngàn mockup miễn phí với nhiều chủ đề khác nhau như áo thun, danh thiếp, điện thoại, bảng quảng cáo, v.v. Bạn có thể dễ dàng tìm kiếm và tải về các mockup này để sử dụng trong các dự án của mình.

Website: <https://www.freepik.com/>

• GraphicBurger

GraphicBurger là một nguồn tài nguyên đồ họa miễn phí bao gồm nhiều mockup chất lượng cao. Các mockup tại đây thường được tạo bởi các nhà thiết kế chuyên nghiệp và có sẵn dưới dạng file PSD để chỉnh sửa.

Website: <https://graphicburger.com/>

VI. Chương 6: Cách tạo và sử dụng Mockup

- **Mockup World**

Mockup World tổng hợp các mockup miễn phí từ nhiều nguồn khác nhau, giúp bạn dễ dàng tìm thấy những mockup phù hợp với nhu cầu của mình. Trang web này có giao diện dễ sử dụng và các mockup đa dạng về chủ đề.

Website: <https://www.mockupworld.co/>

- **Pixeden**

Pixeden cung cấp một loạt các mockup miễn phí cho các loại sản phẩm khác nhau. Ngoài ra, họ cũng có các gói premium nếu bạn cần các mockup chuyên nghiệp hơn.

Website: <https://www.pixeden.com/>

- **Mockups Design**

Mockups Design là một nguồn cung cấp các mockup miễn phí với chất lượng cao và dễ sử dụng. Họ cung cấp mockup cho nhiều loại sản phẩm khác nhau và thường xuyên cập nhật mẫu mới.

Website: <https://mockups-design.com/>

- **Placeit**

Placeit cho phép bạn tạo mockup trực tuyến mà không cần sử dụng Photoshop. Họ cung cấp nhiều mẫu mockup miễn phí và cũng có các tùy chọn trả phí cho các mockup cao cấp.

Website: <https://placeit.net/>

- **Behance**

Behance không chỉ là nơi trưng bày các tác phẩm nghệ thuật mà còn là nguồn tài nguyên lớn với nhiều mockup miễn phí do các nhà thiết kế chia sẻ. Bạn có thể tìm thấy nhiều mockup chất lượng cao ở đây.

Website: <https://www.behance.net/>

- **PSD Repo**

PSD Repo cung cấp các tài nguyên PSD miễn phí bao gồm các mockup, icon, template website, và nhiều hơn nữa. Các mockup trên PSD Repo thường có chất lượng cao và dễ sử dụng.

Website: <https://psdrepo.com/>

- **Designhooks**

Designhooks cung cấp nhiều mockup miễn phí và tài nguyên thiết kế khác. Trang web này cập nhật thường xuyên với các mockup mới và độc đáo.

Website: <https://designhooks.com/>

Lưu ý: Sử dụng mockup đúng cách không chỉ giúp bạn trình bày thiết kế một cách chuyên nghiệp mà còn giúp bạn tiết kiệm thời gian và công sức. Tuân thủ các lưu ý trên sẽ giúp bạn tránh được các vấn đề pháp lý và tạo ra những sản phẩm hoàn thiện và ấn tượng.

VII. Bài tập cuối khóa (chọn 1 trong các chủ đề)

1. Chỉnh sửa ảnh thẻ
2. Thiết kế banner quảng cáo nâng cao
3. Thiết kế Poster nâng cao
4. Thiết kế Brochure / Catalogue

Một số trang web tài nguyên miễn phí để tìm kiếm và tham khảo

1. Freepik:

<https://www.freepik.com/>

Freepik là một kho tàng khổng lồ các tài nguyên thiết kế miễn phí, bao gồm vector, ảnh, biểu tượng, mẫu và phông chữ.

3. Drawkit:

<https://www.drawkit.com/>

Drawkit là một trang web chuyên cung cấp các bộ vector miễn phí theo chủ đề. Các bộ vector trên Drawkit được thiết kế đẹp mắt và dễ sử dụng. Bạn có thể tải xuống các bộ vector ở định dạng SVG hoặc PNG.

4. Free Vectors.net:

<https://www.freevectors.net/>

Free Vectors.net là một trang web cung cấp nhiều loại vector miễn phí khác nhau, bao gồm biểu tượng, bản đồ, đồ thị và hình minh họa.

5. 1001 Free Downloads:

<https://1001freedownloads.com/>

1001 Free Downloads là một trang web cung cấp nhiều loại tài nguyên thiết kế miễn phí khác nhau, bao gồm vector, ảnh, phông chữ và mẫu.

Ngoài ra, bạn cũng có thể tham khảo thêm một số trang web khác như:

<https://pinterest.com/> (Ý tưởng thiết kế)

<https://pixabay.com/> (Ảnh miễn phí)

<https://unsplash.com/> (Ảnh miễn phí)

<https://fontawesome.com/> (Biểu tượng miễn phí)

<https://www.flaticon.com/> (Biểu tượng miễn phí)

<https://stock.adobe.com/> (Tài nguyên thiết kế miễn phí và trả phí)